

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA
Năm 2014



Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08). 38205.944 - 38205.947; Fax: 38205.942

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 05
Báo cáo kiểm toán độc lập	06 – 07
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	08 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2014	12
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm 2014	13 – 36



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Sài Gòn Hòa Xa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Công ty Cổ Phần Sài Gòn Hòa Xa được thành lập theo Quyết định số 990/QĐ-BGTVT ngày 15 tháng 04 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giao Thông Vận Tải về việc chuyển Công ty Dịch vụ du lịch đường sắt Sài Gòn thành Công ty cổ phần; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003015 ngày 04 tháng 01 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 16 tháng 05 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 14 tháng 05 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 29 tháng 08 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 16 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 31 tháng 10 năm 2011 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Đào tạo, giáo dục, kinh doanh, thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục mầm non;
- Đào tạo cao đẳng;
- Giáo dục thể thao và giải trí;
- Giáo dục văn hóa nghệ thuật;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Trồng rau đậu, các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải – chi tiết: Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hoá đường biển và hàng không.
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở). Dịch vụ chăm sóc cá nhân và dịch vụ chăm sóc cá nhân khác: dịch vụ xoa bóp (không kinh doanh tại trụ sở). Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế. Mua bán phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và thiết bị xây dựng công trình – xếp dỡ; nông sản, lâm sản, thủy sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất công nghiệp – nông nghiệp và tiêu dùng, rượu bia, nước giải khát. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Kinh doanh nhà. Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy, đường sắt. Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng. Kinh doanh dịch vụ kho bãi, cho thuê mặt bằng. Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa. Dịch vụ quảng cáo thương mại. Nuôi thủy sản. Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, chuẩn bị mặt bằng. Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước. Dịch vụ chăm sóc da mặt (trừ dịch vụ gây chảy máu). Mua bán hóa mỹ phẩm, hàng công nghệ phẩm, thực phẩm chế biến. Chế biến nông sản. Sản xuất đồ gỗ (trừ chế biến gỗ). Cho thuê nhà, xưởng. Dịch vụ karaoke (không kinh doanh tại trụ sở). Bán buôn sắt, thép; tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; kính xây dựng, sơn, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; đồ ngũ kim; vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Kinh doanh bất động sản.
- Mã ngành 8532, 8541, 8542: không hoạt động tại trụ sở.

Trụ sở của văn phòng Công ty tại: 275C Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM

Các chi nhánh trực thuộc của Công ty bao gồm:

- Khách sạn Hải Vân – Địa chỉ: 69 Huỳnh Thúc Kháng, P.Bến Thành, Q.1, Tp.HCM.
- Khách sạn Kỳ Đồng – Địa chỉ: 10Bis Kỳ Đồng, P.9, Q.3, Tp.HCM.
- Trung tâm điều hành du lịch – Địa chỉ: 10Bis Kỳ Đồng, P.9, Q.3, Tp.HCM.
- Trung tâm dịch vụ và kinh doanh địa ốc – Địa chỉ: 310/4B Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Tp.HCM.
- Khách sạn Ga Sài Gòn – Địa chỉ: 01 Nguyễn Thông, P.9, Q.3, Tp.HCM.
- Khách sạn Đường sắt Nha Trang – Địa chỉ: 17 Thái Nguyên, Phường Phước Tân, Thành phố Nha Trang.
- Khách sạn Cà Ná – Địa chỉ: Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận.
- Khách sạn Đường sắt Đà Lạt – Địa chỉ: 01 Quang Trung, Tp. Đà Lạt.
- Trung tâm dịch vụ thương mại – Địa chỉ: 55/8 Bến Chương Dương, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM.
- Nhà hàng Khách sạn Hưng Triệu – Địa chỉ: 146/33 Kha Vạn Cân, P.Hiệp Bình Chánh, Q.Thủ Đức, Tp.HCM.
- Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hòa Xa Sài Gòn – Địa chỉ: 01 Nguyễn Thông, P.9, Q.3, Tp.HCM.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Trần Văn Đường	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Sơn	Thành viên
Bà Lưu Thị Lê	Thành viên
Bà Tăng Thị Minh Tân	Thành viên
Bà Trương Ái Liễu	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Trần Văn Đường	Tổng Giám đốc – Bổ nhiệm theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 26/02/2011
Bà Tăng Thị Minh Tân	Giám đốc nhân sự
Ông Nguyễn Minh Đức	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Trọng Hưng
Bà Lữ Thị Tiến
Bà Phạm Kim Liên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP.HCM, ngày 12 tháng 3 năm 2015

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



TRẦN VĂN ĐƯỜNG

Số: 204/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ Phần Sài Gòn Hòa Xa

**Kính gửi: - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Sài Gòn Hòa Xa
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Sài Gòn Hòa Xa**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 kèm theo của Công ty Cổ Phần Sài Gòn Hòa Xa được lập ngày 12 tháng 3 năm 2015 từ trang 08 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Chúng tôi chưa có đủ cơ sở đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, tính trung thực cũng như khả năng thu hồi nợ hay trả nợ đến ngày 31/12/2014 đối với một số công nợ phải thu khách hàng được thuyết minh tại mục V.3.1, phải thu khác được thuyết minh tại mục V.3.3, khoản ký quỹ được thuyết minh tại mục V.12.2 và nợ phải trả được thuyết minh tại mục V.13.2 trên báo cáo tài chính đính kèm của chi nhánh trực thuộc công ty là Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hòa Xa Sài Gòn.

- Kho hàng tại Ga Giáp Bát, bộ phận của Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hòa Xa Sài Gòn (chi nhánh trực thuộc công ty) bị cháy trong năm 2009. Với sự cố trên, Xí nghiệp đã thực hiện việc bồi thường do hỏa hoạn (bao



gồm bồi thường về người và hàng hóa bị cháy) với số tiền là 3.229.276.787 đồng; Với những hồ sơ hiện có tại đơn vị, chúng tôi chưa thể xác định được tính hợp lý, hợp lệ cũng như chưa có đủ căn cứ xác định mức tiền bồi thường thiệt hại của toàn bộ khoản chi bồi thường nêu trên.

- Một số khoản công nợ phải thu, phải trả tại ngày 31/12/2014 là các khách hàng của Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hòa Xa Sài Gòn chưa được đối chiếu, xác nhận nợ. Và đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này chúng tôi vẫn chưa nhận được xác nhận số dư công nợ từ phía khách nợ, do đó số dư công nợ tại ngày 31/12/2014 chúng tôi phải căn cứ theo số liệu sổ sách đơn vị.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Sài Gòn Hòa Xa tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2015

**Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)**



Tổng Giám đốc

Đỗ Khắc Thanh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên

Đinh Thế Đường

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0342-2013-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		184.159.345.006	197.932.016.970
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	6.572.555.407	11.745.583.556
1. Tiền	111		6.572.555.407	11.745.583.556
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.903.673.555	4.978.394.555
1. Đầu tư ngắn hạn	121	2	1.903.673.555	4.978.394.555
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	3	96.797.717.575	113.966.573.755
1. Phải thu khách hàng	131	3.1	83.654.716.763	103.556.306.281
2. Trả trước cho người bán	132	3.2	7.833.591.433	5.523.174.000
5. Các khoản phải thu khác	135	3.3	5.309.409.379	4.887.093.474
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140	4	77.405.042.021	66.118.230.252
1. Hàng tồn kho	141		77.405.042.021	66.118.230.252
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	5	1.480.356.448	1.123.234.852
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.1	33.872.727	49.475.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.2	904.948.192	569.939.641
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5.3	57.239.879	68.075.130
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	484.295.650	435.745.081
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34.568.051.366	35.071.745.138
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		257.302.425	315.600.213
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218	6	257.302.425	315.600.213
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		26.744.124.683	27.109.451.432
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	10.918.249.905	11.572.315.199
- Nguyên giá	222		34.872.756.118	34.000.010.782
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(23.954.506.213)	(22.427.695.583)
3. Tài sản cố định vô hình	227	8		
- Nguyên giá	228		252.023.800	252.023.800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(252.023.800)	(252.023.800)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	15.825.874.778	15.537.136.233
III. Bất động sản đầu tư	240	10	5.339.344.479	5.831.416.479
- Nguyên giá	241		9.612.153.510	9.612.153.510
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(4.272.809.031)	(3.780.737.031)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		852.563.740	786.963.740
3. Đầu tư dài hạn khác	258	11	852.563.740	786.963.740
V. Tài sản dài hạn khác	260	12	1.374.716.039	1.028.313.274
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.1	1.172.514.739	850.612.774
3. Tài sản dài hạn khác	268	12.2	202.201.300	177.700.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		218.727.396.372	233.003.762.108

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		188.533.834.731	204.641.357.556
I. Nợ ngắn hạn	310	13	133.833.832.416	155.960.675.241
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13.1	78.924.702.963	99.782.884.826
2. Phải trả người bán	312	13.2	52.549.550.340	54.152.440.165
3. Người mua trả tiền trước	313	13.3	489.881.320	969.689.381
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13.4	723.427.471	704.188.473
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316	13.5	296.895	296.895
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13.6	806.884.162	140.716.236
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	13.7	339.089.265	210.459.265
II. Nợ dài hạn	330	14	54.700.002.315	48.680.682.315
1. Phải trả dài hạn người bán	331	14.1	9.312.893	9.312.893
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	14.2	5.710.572.900	6.295.572.900
4. Vay và nợ dài hạn	334	14.3	47.061.180.000	40.198.140.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	14.4	1.918.936.522	2.177.656.522
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		30.193.561.641	28.362.404.552
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	30.193.561.641	28.362.404.552
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		17.200.000.000	17.200.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.477.497.347	8.231.844.410
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.359.849.049	1.195.849.049
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.156.215.245	1.734.711.093
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		218.727.396.372	233.003.762.108

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.490.417.206	1.490.417.206
5. Ngoại tệ các loại (USD)		23,610.90	23,600,25
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Lương Ngọc Liên

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Minh Đức

Lập, ngày 12 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Văn Đường

0305
C
TRÁCH
DỊCH
AI CH
VÀ
PE
VI-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	16	632.288.821.216	881.961.518.929
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	17	1.567.698.061	1.564.513.413
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	18	630.721.123.155	880.397.005.516
4. Giá vốn hàng bán	11	19	600.929.407.781	849.978.869.920
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		29.791.715.374	30.418.135.596
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	149.390.008	171.541.890
7. Chi phí tài chính	22	21	12.620.674.291	13.065.771.126
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.103.609.291	13.065.771.126
8. Chi phí bán hàng	24		5.402.813.250	5.349.611.546
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.244.377.156	10.180.109.951
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		2.673.240.685	1.994.184.863
11. Thu nhập khác	31	22	944.873.421	621.980.762
12. Chi phí khác	32	23	693.737.907	28.342.578
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		251.135.514	593.638.184
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.924.376.199	2.587.823.047
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	863.219.110	942.307.444
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.061.157.089	1.645.515.603
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.198	957

1172
NG T)
HIỆM HỮ
U TƯ
H KẾ
EM TI
A NA
P. HỒ

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Lương Ngọc Liên

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Minh Đức

Lập, ngày 12 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Văn Đường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		710.610.968.162	970.641.399.968
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(662.439.208.603)	(943.934.611.729)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(15.800.792.450)	(14.947.050.938)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(12.293.266.511)	(13.826.412.146)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(991.643.048)	(807.629.154)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		20.271.107.638	23.024.275.591
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(31.343.612.902)	(34.987.115.480)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.013.552.286	(14.837.143.888)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.668.248.560)	(2.486.547.961)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		800.000	3.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(128.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		62.400.000	62.400.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.357.656.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		160.863.002	147.140.524
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		785.470.442	(2.274.007.437)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		604.196.000.000	879.552.396.220
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(618.169.181.863)	(856.944.088.104)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.973.181.863)	22.608.308.116
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(5.174.159.135)	5.497.156.791
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		11.745.583.556	6.247.509.699
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.130.986	917.066
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	6.572.555.407	11.745.583.556

Lập, ngày 12 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Lương Ngọc Liên



Nguyễn Minh Đức



Trần Văn Đường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *Năm 2014*

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ Phần Sài Gòn Hòa Xa được thành lập theo Quyết định số 990/QĐ-BGTVT ngày 15 tháng 04 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giao Thông Vận Tải về việc chuyển Công ty Dịch vụ du lịch đường sắt Sài Gòn thành Công ty cổ phần; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003015 ngày 04 tháng 01 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 16 tháng 05 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 14 tháng 05 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 29 tháng 08 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 16 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 31 tháng 10 năm 2011 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 17.200.000.000 đồng (Mười bảy tỷ hai trăm triệu đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh: Đào tạo, giáo dục, kinh doanh, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục mầm non;
- Đào tạo cao đẳng;
- Giáo dục thể thao và giải trí;
- Giáo dục văn hóa nghệ thuật;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Trồng rau đậu, các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải – chi tiết: Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hoá đường biển và hàng không.
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở). Dịch vụ chăm sóc cá nhân và dịch vụ chăm sóc cá nhân khác: dịch vụ xoa bóp (không kinh doanh tại trụ sở). Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế. Mua bán phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và thiết bị xây dựng công trình – xếp dỡ; nông sản, lâm sản, thủy sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất công nghiệp – nông nghiệp và tiêu dùng, rượu bia, nước giải khát. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Kinh doanh nhà. Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy, đường sắt. Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng. Kinh doanh dịch vụ kho bãi, cho thuê mặt bằng. Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa. Dịch vụ quảng cáo thương mại. Nuôi thủy sản. Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, chuẩn bị mặt bằng. Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước. Dịch vụ chăm sóc da mặt (trừ dịch vụ gây chảy máu). Mua bán hóa mỹ phẩm, hàng công nghệ phẩm, thực phẩm chế biến. Chế biến nông sản. Sản xuất đồ gỗ (trừ chế biến gỗ). Cho thuê nhà, xưởng. Dịch vụ karaoke (không kinh doanh tại trụ sở). Bán buôn sắt, thép; tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; kính xây dựng, sơn, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; đồ ngũ kim; vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Kinh doanh bất động sản.
- Mã ngành 8532,8541,8542: không hoạt động tại trụ sở.

II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III Chế độ kế toán áp dụng:

- Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

- Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển**

1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- 1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:**

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm được thực hiện theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính.

- 2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:**

- 2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

- 2.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

- 2.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

- 2.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Không phát sinh.

- 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

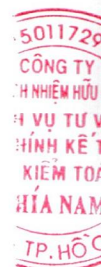
Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

- 4. Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:** Không phát sinh.

- 5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

- 5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**



Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

6. Hợp đồng thuê tài chính: Không phát sinh.

7. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

8. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:

8.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

8.2 Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ: theo thực tế đã đầu tư.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



10. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

13. Nguồn vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

14.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

14.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã



hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

14.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành trong năm.

Năm 2014, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 22%.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1.1-Tiền mặt (VND)	2.689.408.758	3.256.099.531
Khách sạn Hải Vân	518.549.432	685.766.573
Khách sạn Kỳ Đồng	285.102.111	160.985.647
Nhà hàng Khách sạn Hưng Triệu	11.808.080	4.219.679
Khách sạn Ga Sài Gòn	11.430.076	23.407.795
Khách sạn Cà Ná	42.667.391	590.640.089
Khách sạn Đà Lạt	139.542.629	33.487.958
Trung tâm Dịch vụ Thương mại	333.196.072	498.305.744
Trung tâm Điều hành Du lịch	86.681.666	493.934.282
Trung tâm Dịch vụ & Kinh doanh Địa ốc	4.628.556	5.887.613
Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hòa Xa Sài Gòn	797.141.817	80.469.485
Văn phòng Công ty	458.660.928	678.994.666
1.2-Tiền gửi ngân hàng	3.883.146.649	8.489.484.025
Khách sạn Hải Vân tại	48.866.722	3.434.210
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN.TP HCM	2.157.247	1.152.044
- Ngân hàng NN & PT Nông Thôn TP.HCM	46.709.475	2.282.166
Khách sạn Kỳ Đồng tại	6.299.372	3.945.681
- Sở Giao Dịch II Ngân hàng Công Thương Việt Nam	6.299.372	3.945.681
Khách sạn Ga Sài Gòn tại	11.559.339	3.521.184
- Ngân hàng Công Thương Việt Nam	11.559.339	3.521.184
Khách sạn Cà Ná tại	104.839.578	159.180.157
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Ninh Thuận	95.186.777	130.899.528
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN. Ninh Thuận	9.652.801	28.280.629
Khách sạn Đà Lạt tại	4.366.880	3.297.568
- Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Lâm Đồng	4.366.880	3.297.568
Khách sạn Đường sắt Nha Trang tại	1.954.804	1.934.932
- Ngân hàng Công Thương - CN Khánh Hòa	1.954.804	1.934.932
Trung tâm Điều hành Du lịch tại	158.799.855	174.675.495
- Sở Giao Dịch II Ngân hàng Công Thương Việt Nam (VND)	95.722.211	112.978.079
- Sở Giao Dịch II Ngân hàng Công Thương Việt Nam (# 208.64 USD)	4.456.550	4.390.988
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM (VND)	52.688.574	51.173.756
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM (# 278.00 USD)	5.932.520	6.132.672
Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hòa Xa Sài Gòn tại	347.836.119	101.414.056
- Ngân hàng Công Thương Việt Nam - CN.3 TP.HCM	347.836.119	101.414.056
Trung tâm dịch vụ và kinh doanh Địa ốc tại	51.168.000	
- Ngân hàng NN & PT Nông Thôn TP.HCM	51.168.000	
Văn phòng Công ty tại	3.147.455.980	8.038.080.742
+ VND	3.076.044.618	7.968.161.037
- Sở Giao Dịch II Ngân hàng Công Thương TP.HCM	420.139.548	501.516.452
- Ngân hàng NN & PT Nông Thôn TP.HCM	2.652.216.610	7.461.375.448
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN.Sài Gòn	3.688.460	5.269.137
+ Ngoại tệ	71.411.362	69.919.705
- Sở Giao Dịch II Ngân hàng Công Thương TP.HCM (# 2,923.27 USD)	62.470.280	61.113.324
- Ngân hàng NN & PT Nông Thôn TP.HCM (# 418.59 USD)	8.941.082	8.806.381
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	6.572.555.407	11.745.583.556

2. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư ngắn hạn (mua cổ phiếu)		1.903.673.555		4.978.394.555
Công ty CP Xây Lắp I (*)			23.682	3.074.721.000
Công ty CP Khách Sạn Hải Vân Nam	190.370	1.903.673.555	190.370	1.903.673.555
Cộng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		1.903.673.555		4.978.394.555

Ghi chú (*): Khoản đầu tư mua cổ phần Công ty CP Xây Lắp I đã được chuyển nhượng toàn bộ cho ông Lương Hồng Phong theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 04/01/2014 với số tiền là 2.557.656.000 đồng

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
3.1-Phải thu khách hàng	83.654.716.763	103.556.306.281
<i>Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hỏa Xa Sài Gòn</i>	<i>3.668.400.294</i>	<i>4.231.989.301</i>
Công ty Cổ Phần Dầu Thực Vật Tường An		635.312.378
Công ty TNHH Dịch Vụ-GN-HH-XNK Hưng Thịnh V.N (x)	582.212.332	582.212.332
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Minh Thành Phát	281.157.140	357.401.385
Công ty TNHH Vận Tải Thành Danh (x)	289.278.596	289.278.596
Chi Nhánh Công ty TNHH Thực Phẩm Ân Nam tại Hà Nội	209.060.940	243.242.890
Công ty Cổ Phần Bao Bì Dược		190.615.623
Công ty Cổ Phần Thương Mại Sản Xuất và Dịch Vụ Sao Nam	190.666.872	163.315.592
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Gia Thịnh An	386.857.596	138.043.356
Chi Nhánh Công ty TNHH Thương Mại - Dịch Vụ Đông Hưng		135.074.040
Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Châu Á Cát Linh (x)	126.050.000	126.050.000
Công ty CP Dịch Vụ-Thương Mại Vận Tải Lộc Phú (x)	104.700.000	104.700.000
Công ty TNHH Công Nghiệp Plus Viet Nam	122.002.651	76.156.960
Công ty Cổ Phần MERUFA	50.870.160	70.309.987
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm GLOMED	46.883.540	59.459.400
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Lộc Lê Hải	30.039.241	42.748.971
Công ty Cổ Phần Siêu Thanh	38.370.805	38.950.395
XN Dịch Vụ Vận Tải và Thương Mại Đường Sắt Hà Nội (x)	38.602.500	38.602.500
Công ty TNHH Nhà Xuất Bản Thời Đại	43.465.675	31.515.000
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV .Pharm	5.103.780	30.723.550
Công ty TNHH Thương Mại Quốc Tế Thủy Linh (x)	28.716.125	28.716.125
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ C.I.T.I		28.288.722
Công ty Cổ Phần Phát Hành Sách Thành Phố Hồ Chí Minh-Fahasa	5.297.270	20.952.855
Chi Nhánh Công ty TNHH Thực Phẩm Ân Nam tại Hội An	15.081.002	20.557.902
Công ty TNHH Thương Mại Vận Tải Trường Thành Lộc	153.117.751	20.187.794
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Công Nghệ Thành Công (x)		16.890.500
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Năm Tốt (x)	16.254.370	16.254.370
Công ty TNHH Thương Mại SYSTECH		14.275.140
Công ty TNHH Quốc Tế Quadrille & Vera (x)	13.150.610	13.150.610
Công ty TNHH Modernform (x)	11.449.000	11.449.000
Công ty TNHH Vận Tải Dịch Vụ Cường Thịnh (x)	11.000.000	11.000.000
Công ty CP SX KD Dịch Vụ& Xuất Nhập Khẩu Quận I (FIMEXCO)	14.585.670	10.327.020
Công ty TNHH Một Thành Viên Phương Nam Phim	3.515.160	5.518.920
Công ty TNHH Vận Tải - Thương Mại Bằng Phú		4.767.840
Công ty TNHH Hóa Dược Quốc Tế Phương Đông		632.500
Công ty TNHH Thực Phẩm Ân Nam	14.360.540	
Công ty Cổ Phần Dệt Trần Hiệp Thành	93.602.186	
Công ty Cổ Phần Phát Hành Sách Thành Phố Hồ Chí Minh - Fahasa	104.293.750	
Công ty TNHH Một Thành Viên Hội Nhập Phát Triển Đông Hưng	59.854.080	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM

Công ty TNHH Thương Mại Thoại Anh	43.616.496	
Chi Nhánh Công ty TNHH Thực Phẩm Ân Nam tại Huế	27.429.050	
Công ty TNHH Koolman Việt Nam	10.208.880	
CN Công ty TNHH Dược Phẩm Thành Đạt		9.581.440
Các khách hàng khác	497.546.526	645.725.608
<i>Ghi chú (x): Các khoản phải thu khách hàng của XN Dịch vụ Vận tải Hòa Xa Sài Gòn chưa đủ cơ sở đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, tính trung thực cũng như khả năng thu hồi nợ.</i>		
Khách sạn Ga Sài Gòn	163.819.100	142.236.000
Xí nghiệp vận dụng toa xe khách Hà Nội	163.819.100	142.236.000
Trung tâm Điều hành Du lịch	93.007.200	
Công ty TNHH Một Thành Viên Sáng Thành	93.007.200	
Khách sạn Cà Ná	21.806.000	7.500.000
Trung Tâm Huấn Luyện và Thi Đấu TDTT Ninh Thuận	7.500.000	7.500.000
Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Bộ	4.000.000	
Công ty Agoda	336.000	
Công ty TNHH Du lịch Chào Buổi Sáng	9.970.000	
Trung tâm Dịch vụ Thương mại	78.751.742.569	98.605.774.880
Công ty TNHH Thương Mại Thanh Tâm	40.630.771.118	51.232.788.826
Công ty TNHH MTV Lâm Kim Ngọc	2.602.324.621	9.601.036.539
Phạm Đức Minh	786.012.759	7.169.190.793
DNTN An Thịnh	1.839.316.234	3.656.585.968
DNTN Năng Hằng	723.224.690	2.315.365.340
DNTN Phúc Thi	2.765.299.808	2.157.855.719
DNTN Phong Thuận	791.244.756	1.677.094.481
DNTN Tiến Đạt	2.379.501.895	954.294.892
DNTN Kim Hường	2.033.946.629	929.135.406
Công ty TNHH Thương Mại Phú Thịnh	1.272.897.002	909.105.074
DNTN Bến Thành	374.503.816	867.982.054
DNTN Long An	548.509.024	861.750.560
Lê Thành Danh	667.759.841	786.035.377
Lê Văn Trường	716.701.137	708.127.301
Huỳnh Đình Lâm	617.561.437	691.630.109
Nguyễn Hữu Nhất	472.009.213	545.422.607
Lý Quốc Huy	513.910.503	521.782.461
Đỗ Xuân Long	659.125.987	519.302.715
Lý Phát Đạt	797.848.406	516.175.030
Đàm Văn Hiệp	496.006.017	515.889.877
Lý Danh Đoàn	711.519.038	513.535.270
Lê Duy Hà	721.150.372	511.159.668
DNTN Triệu Hồng		510.254.152
Trần Tuấn Kiệt	517.274.769	508.554.713
Trần Thanh Định	802.497.969	492.474.633
Trần Nhật Phong	590.473.023	484.376.029
Phạm Lê Minh Sang	430.720.340	480.900.652
Nguyễn Văn Tuấn	430.049.995	479.566.315
Tống Thị Thu Thủy	571.756.931	475.834.235
Nguyễn Thanh Sơn	592.891.678	474.680.358
Bùi Văn Thảo	547.638.691	474.016.531
Vũ Thái Hà	376.749.243	470.966.176
DNTN Anh Thơ	171.940.453	359.940.453
Trung Tâm KD & Dịch Vụ Tổng Hợp	402.693.884	277.412.808

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM

Nguyễn Thị Dung		271.952.000
Huỳnh Thanh Quang		247.946.000
DNTN Hoài Thu	1.085.746.847	
Từ Thị Kim Oanh	658.251.772	
DNTN Nguyễn Lộc	505.977.666	
CTy TNHH DV TM Thảo Đệ	391.068.686	
Cty TNHH một thành viên thương mại Hoa Nghi	227.250.100	
Các khách hàng khác	7.327.616.219	4.435.653.758
Văn phòng Công ty	58.696.000	58.696.000
Công ty Cổ Phần Văn Hoá Phương Nam	58.696.000	58.696.000
Khách sạn Đà Lạt	897.245.600	510.110.100
Trung Tâm Xúc Tiến ĐTTM & Du Lịch Tỉnh Lâm Đồng		15.840.000
Công ty TNHH Tâm Châu		224.400.000
Công ty TNHH Châu Thanh Thiên Lộc Phú	843.245.600	269.870.100
Công ty TNHH Ky Hoàng Minh	54.000.000	
3.2-Trả trước cho người bán	7.833.591.433	5.523.174.000
Văn phòng Công ty	6.498.614.000	5.335.614.000
Đông Thị Hồng (tiền chuyển nhượng đất Phú Quốc)	4.425.000.000	4.407.000.000
DNTN Thái Hoàng ĐĐ	20.000.000	20.000.000
CN VP Luật sư Trần Vũ Hải	30.000.000	30.000.000
Công ty CP Tư Vấn Đầu Tư & Xây Dựng Kiên Giang	230.614.000	230.614.000
Công ty CP Đầu tư PT hạ tầng Phú Quốc	25.000.000	25.000.000
Công ty XD Thương mại T.C.D	1.730.000.000	615.000.000
Trung tâm khoa học công nghệ & KT Xây dựng		8.000.000
Công ty TNHH Kiểm toán Đông Nam	18.000.000	
Công ty TNHH TV XD TK Song Toàn	20.000.000	
Trung tâm Điều hành Du lịch	1.014.064.683	187.560.000
Công ty TNHH DL Phương Đông Ngày Nay		20.000.000
Công ty CP Dịch Vụ Du Lịch & Thương Mại TST		65.600.000
Công ty TNHH MTV Vinpearl		71.960.000
CN Công ty CP Thuận Thảo - KS CenDeluxe		30.000.000
Công ty Vận Tải Hành Khách Đường Sắt Sài Gòn	833.514.000	
China Southern Airlines - Phương Nam	120.344.483	
KS Mường Thanh Quy Nhơn - CN DNTN XD Số 1 Tỉnh ĐB	30.000.000	
Nguyễn Cảnh Tuấn Vũ	27.200.000	
Công ty Cổ Phần Hàng Không VIET JET	3.006.200	
Khách sạn Hải Vân	140.912.750	
Công ty TNHH Công nghệ Kỹ thuật Môi trường Saigon	135.962.750	
Công ty CP TMDV Khoa học mới	4.950.000	
TT Dịch vụ và Kinh doanh Địa ốc	180.000.000	
Công ty TNHH Kỹ Thuật XD Đông Phương	180.000.000	
3.3-Các khoản phải thu khác	5.309.409.379	4.887.093.474
Phải thu thuế TNCN của	5.550.072	1.564.289
Trung tâm Dịch vụ Thương mại	4.781.417	795.634
Văn phòng Công ty	60.822	60.822
Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hòa Xa Sài Gòn	707.833	707.833
Phải thu khác của	5.303.859.307	4.885.529.185
Khách sạn Hải Vân		379.800
Trung tâm Dịch vụ Thương mại	1.000.000	1.000.000
Trung tâm điều hành du lịch	418.500	
Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hòa Xa Sài Gòn	4.673.656.249	4.645.190.249

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM

bao gồm:

- Khoản bồi thường khách hàng do bị cháy Ga Giáp Bát ngày 06/05/2009	3.229.276.787	3.229.276.787
- Khoản phải thu Ông Huỳnh Lê Trung - nguyên Phó GD XN (*)	1.181.701.323	1.181.701.323
- Khoản phải thu Bà Phạm Thị Minh Châu	190.982.859	190.982.859
- Khoản phải thu khác	71.695.280	43.229.280

Ghi chú (*): Khoản phải thu khác của Ông Huỳnh Lê Trung chưa đủ cơ sở đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, tính trung thực cũng như khả năng thu hồi nợ.

Văn phòng Công ty	628.784.558	238.959.136
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	96.797.717.575	113.966.573.755

4. HÀNG TỒN KHO**4.1-Giá gốc hàng tồn kho***Nguyên liệu, vật liệu*

Trung tâm Điều hành Du lịch

Khách sạn Kỳ Đồng

Khách sạn Hải Vân

Khách sạn Đà Lạt

Khách sạn Cà Ná

Văn phòng Công ty

Hàng hóa

Khách sạn Kỳ Đồng

Trung tâm Dịch vụ Thương mại (hàng thuốc lá)

Khách sạn Hải Vân

Khách sạn Cà Ná

4.2-Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho**

Số cuối năm	Số đầu năm
77.405.042.021	66.118.230.252
<i>77.454.159</i>	<i>90.437.642</i>
8.890.563	13.080.000
3.246.800	1.624.000
6.225.990	1.647.000
3.664.227	4.561.000
51.781.579	43.965.642
3.645.000	25.560.000
77.327.587.862	66.027.792.610
5.269.503	8.112.647
77.267.601.740	65.978.055.270
19.935.915	3.171.649
34.780.704	38.453.044
77.405.042.021	66.118.230.252

5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**5.1-Chi phí trả trước ngắn hạn**

Trung tâm điều hành du lịch

5.2-Thuế GTGT được khấu trừ**5.3-Thuế và các khoản phải thu Nhà nước***Thuế GTGT*

Văn phòng Công ty

Thuế TNDN

Khách sạn Kỳ Đồng

Khách sạn Ga Sài Gòn

Thuế nhà đất

Văn phòng Công ty

Thuế môn bài

Khách sạn Cà Ná

5.4-Tài sản ngắn hạn khác*Tạm ứng*

Trung tâm điều hành du lịch

Văn phòng Công ty

Ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Ký quỹ tại TT Thông tin di động KVII

Ký quỹ tại TT hỗ trợ khách hàng & quản lý cước

Ký quỹ tại Sở Giao Dịch II Ngân hàng Công Thương VN (# 19,782.40 USD)

Cộng tài sản ngắn hạn khác

Số cuối năm	Số đầu năm
33.872.727	49.475.000
33.872.727	49.475.000
904.948.192	569.939.641
57.239.879	68.075.130
23.716.000	17.248.000
23.716.000	17.248.000
3.180.088	3.180.088
2.380.088	2.380.088
800.000	800.000
30.343.791	47.147.042
30.343.791	47.147.042
	500.000
	500.000
484.295.650	435.745.081
51.545.762	8.929.913
11.000.000	
40.545.762	8.929.913
432.749.888	426.815.168
5.000.000	5.000.000
5.000.000	5.000.000
422.749.888	416.815.168
1.480.356.448	1.123.234.852

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM

6. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Khách sạn Hải Vân		
Văn phòng Công ty (thuế GTGT của doanh thu chưa thực hiện đã xuất hóa đơn)		
Cộng phải thu dài hạn khác		

Số cuối năm	Số đầu năm
65.408.773	97.834.561
191.893.652	217.765.652
257.302.425	315.600.213

7. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, TD	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
I. Nguyên giá					
1 Số dư đầu năm	29.777.028.243	701.713.162	3.228.999.620	292.269.757	34.000.010.782
2 Số tăng trong năm	880.295.336	48.660.000			928.955.336
Bao gồm:					
Mua trong năm		48.660.000			48.660.000
Đầu tư XDCB h/thành	880.295.336				880.295.336
Chuyển từ BĐSĐT					
Tăng khác					
3 Số giảm trong năm				56.210.000	56.210.000
Bao gồm:					
Chuyển sang BĐSĐT				56.210.000	56.210.000
Thanh lý, nhượng bán					
Giảm khác					
4 Số dư cuối năm	30.657.323.579	750.373.162	3.228.999.620	236.059.757	34.872.756.118
II. Giá trị hao mòn LK					
1 Số dư đầu năm	19.408.363.649	688.277.019	2.111.257.431	219.797.484	22.427.695.583
2 Số tăng trong năm	1.217.197.214	21.596.143	312.000.000	32.227.273	1.583.020.630
Khấu hao trong năm	1.217.197.214	21.596.143	312.000.000	32.227.273	1.583.020.630
Chuyển từ BĐSĐT					
Tăng khác					
3 Số giảm trong năm				56.210.000	56.210.000
Bao gồm:					
Chuyển sang BĐSĐT				56.210.000	56.210.000
Thanh lý, nhượng bán					
Giảm khác					
4 Số dư cuối năm	20.625.560.863	709.873.162	2.423.257.431	195.814.757	23.954.506.213
III. Giá trị còn lại					
1 Tại ngày đầu năm	10.368.664.594	13.436.143	1.117.742.189	72.472.273	11.572.315.199
2 Tại ngày cuối năm	10.031.762.716	40.500.000	805.742.189	40.245.000	10.918.249.905

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2014 dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 5.540.105.434 đồng.
 Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 14.054.402.582 đồng.

8. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

KHOẢN MỤC	Quyền SD Đất	Quyền phát minh	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng Cộng
I. Nguyên giá					
1 Số dư đầu năm				252.023.800	252.023.800
2 Số tăng trong năm					
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong năm					
- Tăng khác					
3 Số giảm trong năm					
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4 Số dư cuối năm				252.023.800	252.023.800
II. Giá trị hao mòn LK					
1 Số dư đầu năm				252.023.800	252.023.800
2 Số tăng trong năm					
- Khấu hao trong năm					
- Tăng khác					
3 Số giảm trong năm					
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4 Số dư cuối năm				252.023.800	252.023.800
III. Giá trị còn lại					
1 Tại ngày đầu năm					
2 Tại ngày cuối năm					



9. CHI PHÍ XDCB DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Mua sắm tài sản cố định	14.206.330.387	14.015.946.087
Đất Phú Quốc	3.304.139.300	3.000.151.000
Quyền sử dụng đất - Đất Bình Chiểu	10.902.191.087	11.015.795.087
- XDCB dở dang	1.619.544.391	1.521.190.146
<i>Chi phí xây dựng, lắp đặt</i>	53.998.200	35.000.000
Hàng rào khu đất Phú Quốc	35.000.000	35.000.000
Khách sạn Ga Sài Gòn+Nâng cấp+HT xử lý nước	18.998.200	
KS Cà Ná	1.565.546.191	1.486.190.146
<i>Chi phí kiến thiết cơ bản khác</i>	497.236.687	497.236.687
Đất Phú Quốc	312.693.080	312.693.080
Dự án cơ sở 1 Bình Triệu		
Khách sạn Ga Sài Gòn+Nâng cấp+HT xử lý nước		
Cà Ná Quán - KS Cà Ná	630.245.767	630.245.767
Khách sạn Nha Trang (2006)	54.035.455	39.490.000
Dự án tại đất Bình Chiểu	35.518.202	6.524.612
Nhà hàng số 2 cơ sở 1 Bình Triệu	35.817.000	
Nhà hàng số 1 cơ sở 1 Bình Triệu		
Cộng chi phí XDCB dở dang	15.825.874.778	15.537.136.233

10. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

KHOẢN MỤC	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
I. Nguyên giá	9.612.153.510			9.612.153.510
- Quyền SD đất				
- Nhà	9.612.153.510			9.612.153.510
- Cơ sở hạ tầng				
II. Giá trị hao mòn LK	3.780.737.031	492.072.000		4.272.809.031
- Quyền SD đất				
- Nhà	3.780.737.031	492.072.000		4.272.809.031
- Cơ sở hạ tầng				
III. Giá trị còn lại	5.831.416.479			5.339.344.479
- Quyền SD đất				
- Nhà	5.831.416.479			5.339.344.479
- Cơ sở hạ tầng				

Danh mục bất động sản đầu tư đến ngày 31/12/2014

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Hội trường (Nhà vật lý trị liệu cũ) - KS Đà Lạt	82.383.592	82.383.592	
Biệt thự số 09 B - KS Đà Lạt	190.825.451	138.148.000	52.677.451
Nhà Hàng Thăng Cảnh - KS Đà Lạt	325.291.491	252.123.000	73.168.491
Nhà dịch vụ 9C - KS Đà Lạt	3.488.396.958	684.000.000	2.804.396.958
Biệt thự số 11 - KS Đà Lạt	330.322.975	330.322.975	
Cơ Sở I Bình Triệu+HT Thoát nước+Nâng cấp HT TN	982.003.882	982.003.882	
Cơ Sở I Bình Triệu: 20 phòng+đường sá+HT điện, nước	495.027.582	495.027.582	
Nhà sách Phương Nam - Nha Trang	2.920.487.747	1.176.000.000	1.744.487.747
Hàng rào tôn thép CS I Bình Triệu	118.293.896	48.000.000	70.293.896
Quán Hello Coffee - Nha Trang	288.000.000	40.800.000	247.200.000
Hàng rào khu đất Bình Chiểu - Thủ Đức	391.119.936	44.000.000	347.119.936
Cộng	9.612.153.510	4.272.809.031	5.339.344.479

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Cho ông Huỳnh Đăng Dũng vay
 Cho bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh vay
Cộng đầu tư dài hạn khác

Số cuối năm	Số đầu năm
	62.400.000
852.563.740	724.563.740
852.563.740	786.963.740

12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

12.1-Chi phí trả trước dài hạn

Khách sạn Hải Vân
 Khách sạn Kỳ Đồng
 Khách sạn Cà Ná
 Khách sạn Đà Lạt
 Khách sạn Ga Sài Gòn
 Nhà hàng Khách sạn Hưng Triệu
 Trung tâm dịch vụ thương mại
 Trung tâm điều hành du lịch
 Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hòa Xa Sài Gòn
 Trung tâm dịch vụ & kinh doanh địa ốc
 Văn phòng Công ty

Số cuối năm	Số đầu năm
1.172.514.739	850.612.774
540.583.697	18.071.789
82.726.624	14.381.816
61.393.584	111.513.446
70.108.037	125.057.094
67.707.183	139.885.729
116.794.392	
28.063.637	31.756.364
27.155.969	8.386.365
	200.000
177.981.616	401.360.171

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM

12.2-Tài sản dài hạn khác	202.201.300	177.700.500
<i>Ký quỹ, ký cược dài hạn về hợp đồng</i>	<i>130.000.000</i>	<i>130.000.000</i>
- Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hòa Xa Sài Gòn	130.000.000	130.000.000
Công ty Cổ Phần Khoáng Sản VIGLACERA (*)	130.000.000	130.000.000
<i>Ký quỹ, ký cược dài hạn về thuê mặt bằng</i>	<i>52.201.300</i>	<i>47.700.500</i>
- Trung tâm Dịch vụ Thương mại	47.201.300	32.700.500
Công ty kho bãi Tp. Hồ Chí Minh	44.201.300	29.700.500
Công ty CP Ánh Dương Việt Nam (VINASUN CORP.)	3.000.000	3.000.000
- Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hòa Xa Sài Gòn	5.000.000	15.000.000
Xí Nghiệp Cơ Khí Xếp Dỡ Sài Gòn		10.000.000
Công ty Cổ Phần SX- XNK Lâm Sản và Hàng TTCN (UPEXIM)	5.000.000	5.000.000
<i>Ký quỹ, ký cược dài hạn khác</i>	<i>20.000.000</i>	
- Trung tâm điều hành du lịch	20.000.000	
Cộng tài sản dài hạn khác	1.374.716.039	1.028.313.274

Ghi chú (*): Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn của XN Dịch vụ Vận tải Hòa Xa Sài Gòn chưa đủ cơ sở đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, tính trung thực cũng như khả năng thu hồi.

13. NỢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
13.1-Vay và nợ ngắn hạn	78.924.702.963	99.782.884.826
- Vay ngắn hạn ngân hàng	77.924.702.963	98.742.884.826
Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn - chi nhánh TP.HCM	77.924.702.963	96.772.884.826
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN.Sài Gòn		1.970.000.000
- Vay ngắn hạn cá nhân	1.000.000.000	1.040.000.000
Nguyễn Phát (chưa được đối chiếu xác nhận tại ngày 31/12/2014)	1.000.000.000	1.000.000.000
Lý Hoàng Phương Thảo		40.000.000
13.2-Phải trả người bán	52.549.550.340	54.152.440.165
Trung tâm Điều hành Du lịch	132.857.905	
Công ty TNHH IATA Việt Nam	132.857.905	
Trung tâm Dịch vụ Thương mại	48.698.250.506	50.848.096.886
Công ty thuốc lá Sài Gòn	48.698.250.506	50.848.096.886
Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hòa Xa Sài Gòn	3.713.841.929	3.304.343.279
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Minh Thành Phát	2.058.510.000	1.160.710.000
XN Dịch Vụ Vận tải & Thương Mại Đường Sắt Phía Nam (x)	606.070.000	606.070.000
Công ty CP Tiếp Vận Phong Anh Minh (x)		559.200.000
Công ty TNHH Thương Mại Tân Hiệp	286.134.800	245.929.820
Công ty CP Thương Mại và Hàng Hải Hà Nội (x)	200.500.000	200.500.000
Công ty CP Đường Sắt Phía Nam	2.200.000	130.900.000
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ H.P.C	162.635.000	102.994.045
Công ty CP Vận Tải Quốc Tế Vĩnh Lộc Phát (x)	77.327.360	77.327.360
CN Công ty TNHH MTV Vận Tải HH Đường Sắt - XN Cơ Khí Xếp Dỡ SG		59.790.000
Công ty TNHH Vận Tải Biển VINAFCO (x)	50.400.000	50.400.000
Công ty TNHH Nội Thất Tây Cửu Long (x)	45.125.200	45.125.200
Công ty TNHH Thương Mại Cơ Khí Tân Thanh (x)	27.341.500	27.341.500
Công ty CP Hàng Hải và Đầu Tư Công Nghiệp VINASHIN (x)	25.000.000	25.000.000
Công ty CP. ĐT - Thương Mại - Dạy Nghề Trung Nam Việt (x)	12.024.285	12.024.285
Xí Nghiệp Cơ Khí Xếp Dỡ Sài Gòn		
Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Vận Chuyển Kim Long		
Công ty TNHH Thương Mại Vận Tải Trường Thành Lộc	83.731.725	
Công ty TNHH MTV TM - DV Hoàng Diệp	60.720.990	
XN Cơ Khí Xếp Dỡ Sài Gòn- Cty Vận Tải HK Đường Sắt Sài Gòn	15.090.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM

Khách vãng lai (x)	1.031.069	1.031.069
<i>Ghi chú (x): Các khoản phải trả người bán của XN Dịch vụ Vận tải Hòa Xa Sài Gòn chưa đủ cơ sở đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, tính trung thực.</i>		
Văn phòng Công ty	4.600.000	
Công ty XD TM T.C.D	4.600.000	
13.3-Người mua trả tiền trước	489.881.320	969.689.381
Khách sạn Đà Lạt	500.000	1.000.000
Công ty TNHH DV DL Goodtour	500.000	1.000.000
Khách sạn Cà Ná	2.595.000	5.627.500
Khách vãng lai		3.147.000
Công ty TNHH TM DV DL Trường Hồng		5.500
CN Công ty TNHH MTV DL và TT GTVT Việt Nam		2.475.000
Công ty DL Phong Cách Việt	1.470.000	
Công ty CP Du Lịch Kiên Giang	1.125.000	
Trung tâm Điều hành Du lịch	480.715.000	756.326.500
Khách vãng lai (khách ứng trước tiền tour)	480.715.000	756.326.500
Trung tâm dịch vụ thương mại	3.130	228.051
Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hòa Xa Sài Gòn	6.068.190	6.507.330
CN Công ty Dược Phẩm EUVIPHARM (Tỉnh Long An)	1.465.750	1.465.750
Công ty Cổ Phần Bệnh Viện Quốc Tế	1.334.960	1.334.960
Công ty Cổ Phần Mai Linh Miền Bắc	1.716.700	1.329.900
Công ty TNHH Thiên Hòa An	689.700	689.700
Các đối tượng khác	861.080	1.687.020
Văn phòng Công ty		200.000.000
Lương Hồng Phong		200.000.000
13.4-Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	723.427.471	704.188.473
- Thuế GTGT đầu ra	104.852.883	120.350.903
Khách sạn Cà Ná	49.091.787	57.736.753
Khách sạn Đà Lạt	55.761.096	62.614.150
Văn phòng Công ty		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	126.348.820	124.113.775
Văn phòng Công ty	126.348.820	124.113.775
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	209.074.454	337.498.392
Văn phòng Công ty	209.074.454	337.498.392
- Thuế thu nhập cá nhân	131.888.468	94.990.354
Khách sạn Đà Lạt		
Văn phòng Công ty	131.888.468	94.990.354
- Tiền thuê đất	151.262.846	27.235.049
Văn phòng Công ty	151.262.846	27.235.049
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.		
13.5-Chi phí phải trả	296.895	296.895
13.6-Các khoản phải trả, phải nộp khác	806.884.162	140.716.236
- Thuế thu nhập cá nhân phải trả	1.684.087	24.415.374
- Kinh phí công đoàn nộp cấp trên		17.136.630
- Kinh phí công đoàn cơ sở		31.825.170
- Phải trả, phải nộp khác	805.200.075	67.339.062
13.7-Quỹ khen thưởng, phúc lợi	339.089.265	210.459.265
Cộng nợ ngắn hạn	133.833.832.416	155.960.675.241

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM

14. NỢ DÀI HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm
14.1-Phải trả dài hạn người bán	9.312.893	9.312.893
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>9.312.893</i>	<i>9.312.893</i>
Công ty CP Tư Vấn Xây dựng Đầu tư PT KT Đ.Thị (CODESCO)	7.312.893	7.312.893
Đăng Thế Sỹ (phần mềm Quản lý Nhân sự)	2.000.000	2.000.000
14.2-Phải trả dài hạn khác	5.710.572.900	6.295.572.900
<i>- Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>5.000.365.540</i>	<i>5.000.365.540</i>
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>5.000.365.540</i>	<i>5.000.365.540</i>
Cổ tức phải trả cho Cổ đông	365.540	365.540
Trương Ái Liễu (tiền hợp tác kinh doanh)	5.000.000.000	5.000.000.000
<i>- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn</i>	<i>710.207.360</i>	<i>1.295.207.360</i>
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn về nhận khoán	378.500.000	378.500.000
<i>tại Văn phòng Công ty</i>		
Trần Bộ Thiên (TTĐHDL)	17.500.000	17.500.000
Quản Thị Cẩm Tú (KS Ga)	63.000.000	63.000.000
Lê Hạnh (XNDV VT HX SG)	50.000.000	50.000.000
Trần Bộ Thiên (KS Kỳ Đồng)	80.000.000	80.000.000
Trần Vĩ Đường (TTDV TM)	168.000.000	168.000.000
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn về thực hiện hợp đồng	310.000.000	895.000.000
<i>tại Văn phòng Công ty</i>	<i>295.000.000</i>	<i>880.000.000</i>
Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Hoàng Kim	50.000.000	50.000.000
Công ty Cổ Phần Văn Hoá Phương Nam	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH Tâm Châu		720.000.000
Công ty TNHH Ky Hoàng Minh	135.000.000	
Trần Hữu Phú - Công ty TNHH 1TV CT Thiên Lộc Phú	10.000.000	10.000.000
<i>Phan Trúc Phiêu -KS Hải Vân</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn về thuê mặt bằng	3.500.000	3.500.000
<i>tại Khách sạn Ga Sài Gòn</i>	<i>3.500.000</i>	<i>3.500.000</i>
Lê Tấn Cường	3.500.000	3.500.000
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn về dịch vụ khác	18.207.360	18.207.360
BP Massage - KS Hải Vân	3.597.840	3.597.840
BP Nhà hàng - KS Hải Vân	9.360.300	9.360.300
BP Massage - KS Kỳ Đồng	5.249.220	5.249.220
14.3-Vay và nợ dài hạn	47.061.180.000	40.198.140.000
<i>Vay dài hạn cá nhân của Văn phòng Công ty</i>	<i>32.134.880.000</i>	<i>21.326.840.000</i>
Đàm Thị Minh Hồng	8.500.000.000	7.100.000.000
Trương Ái Liễu	4.500.000.000	2.800.000.000
Tăng Thị Minh Tân	1.640.000.000	2.340.000.000
Nguyễn Thị Thanh Mai	1.665.000.000	1.740.000.000
Phan Thị Lành	1.150.000.000	1.100.000.000
Trịnh Hữu Hùng	1.000.000.000	1.000.000.000
Trịnh Thị Thanh Thủy	2.000.000.000	1.000.000.000
Nguyễn Thị Kim Thoa	300.000.000	915.000.000
Nguyễn Thị Ngà	530.000.000	530.000.000
Nguyễn Thị Anh Thư	90.000.000	395.000.000
Nguyễn Thị Hằng	400.000.000	300.000.000
Trần Thị Diệu Hương	1.270.000.000	300.000.000
Trần Vĩ Đường	297.000.000	297.000.000
Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Hoàng Kim	272.880.000	294.840.000
Trần Hoài Đức	300.000.000	250.000.000
Trương Ngọc Công	320.000.000	230.000.000
Huỳnh Nguyễn Bích Phượng	200.000.000	200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM

Phạm Kim Liên	145.000.000	160.000.000
Nguyễn Thanh Minh	130.000.000	130.000.000
Phạm Thị Ngân		115.000.000
Nguyễn Hồng Cúc Mai	60.000.000	60.000.000
Bùi Thị Thanh Phương	130.000.000	50.000.000
Đỗ Huy Dũng		20.000.000
Lê Diệp Linh	550.000.000	
Lương Ngọc Liên	15.000.000	
Nguyễn Đức Nguyên Dũng	270.000.000	
Bùi Thị Tuyết Mai	5.000.000.000	
Võ Thị Huyền Phương	1.400.000.000	
Vay dài hạn cá nhân của Trung tâm Dịch vụ Thương mại	14.796.300.000	18.741.300.000
Trần Hiền Phước	3.360.000.000	14.610.000.000
Vũ Ngọc Kinh	6.000.000.000	3.000.000.000
Trương Văn Hùng	500.000.000	500.000.000
Phan Loan Phụng	327.600.000	327.600.000
Hồ Thị Bích Hải	100.000.000	100.000.000
Lâm Thành		100.000.000
Nguyễn Anh Tuấn	58.500.000	58.500.000
Tổ Hữu Trí Đường sắt	50.000.000	45.000.000
Nguyễn Thị Kim Hường	100.000.000	
Nguyễn Thị Tuyết Liên	2.000.000.000	
Trần Thiên Kim	300.000.000	
Vũ Thị Ngọc Lan	2.000.000.000	
Các đối tượng khác	200.000	200.000
Vay dài hạn cá nhân của Trung tâm Điều hành Du Lịch	130.000.000	130.000.000
Trần Bộ Thiên	130.000.000	130.000.000
14.4-Doanh thu chưa thực hiện	1.918.936.522	2.177.656.522
Công ty Cổ Phần Văn Hoá Phương Nam (tiền thuê tài sản ứng trước)	1.918.936.522	2.177.656.522
Cộng nợ dài hạn	54.700.002.315	48.680.682.315

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của nhà nước			5.160.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác		17.200.000.000	12.040.000.000
<i>trong đó</i>			
+ Vốn góp của Công ty TNHH TM & DL Đại Lâm	29%	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Vốn góp của cổ đông khác	71%	12.200.000.000	7.040.000.000
Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu	100%	17.200.000.000	17.200.000.000
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận			
		Năm nay	Năm trước
+ Vốn đầu tư của chủ SH			
- Vốn góp đầu năm		17.200.000.000	17.200.000.000
- Vốn góp tăng trong năm			
- Vốn góp giảm trong năm			
- Vốn góp cuối năm		17.200.000.000	17.200.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia			
d) Cổ tức			
+ Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:			
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông			
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi			
e) Cổ phiếu			
		Số cuối năm	Số đầu năm
+ Số lượng cp đăng ký phát hành			
		1.720.000	1.720.000
+ Số lượng cp đã bán ra công chúng			
		1.720.000	1.720.000
- Cổ phiếu phổ thông		1.720.000	1.720.000
- Cổ phiếu ưu đãi			
+ Số lượng cp được mua lại			
- Cổ phiếu phổ thông			
- Cổ phiếu ưu đãi			
+ Số lượng cp đang lưu hành			
		1.720.000	1.720.000
- Cổ phiếu phổ thông		1.720.000	1.720.000
- Cổ phiếu ưu đãi			
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:			
		10.000 đ/cp	10.000 đ/cp
f) Các quỹ của doanh nghiệp			
- Quỹ đầu tư phát triển		9.477.497.347	8.231.844.410
- Quỹ dự phòng tài chính		1.359.849.049	1.195.849.049
16. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ			
		Năm nay	Năm trước
+ Doanh thu bán hàng		544.837.998.550	802.458.693.660
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ		84.612.342.666	76.450.245.269
+ Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		2.838.480.000	3.052.580.000
Cộng tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		632.288.821.216	881.961.518.929
17. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU			
		Năm nay	Năm trước
+ Chiết khấu thương mại			
+ Giảm giá hàng bán			
+ Hàng bán bị trả lại			
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt		1.567.698.061	1.564.513.413
+ Thuế xuất khẩu			
Cộng các khoản giảm trừ doanh thu		1.567.698.061	1.564.513.413



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM

	Năm nay	Năm trước
18. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
+ Doanh thu thuần trao đổi SP, hàng hóa	543.963.215.881	801.635.641.045
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	83.919.427.274	75.708.784.471
+ Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản đầu tư	2.838.480.000	3.052.580.000
Cộng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	630.721.123.155	880.397.005.516
19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
Giá vốn của hàng hóa đã bán	521.784.809.218	778.792.118.059
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	78.652.526.563	70.703.479.861
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	492.072.000	483.272.000
Cộng giá vốn hàng bán	600.929.407.781	849.978.869.920
20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	142.324.302	165.679.224
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.065.706	5.862.666
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	149.390.008	171.541.890
21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
Lãi tiền vay	12.103.609.291	13.065.771.126
Lỗ do chuyển nhượng cổ phần	517.065.000	
Cộng chi phí tài chính	12.620.674.291	13.065.771.126
22. THU NHẬP KHÁC		
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý CCDC	727.273	3.972.728
Thu nhập từ tiền hỗ trợ	240.000.000	397.000.000
Thu tiền bồi thường	654.009.903	
Thu nhập khác	50.136.245	221.008.034
Cộng thu nhập khác	944.873.421	621.980.762
23. CHI PHÍ KHÁC		
Tiền nộp phạt, truy thu thuế	55.129.232	7.517.578
Chi phí phục hồi các hạng mục bị giải tỏa	607.122.814	
Chi phí khác	31.485.861	20.825.000
Cộng chi phí khác	693.737.907	28.342.578
24. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH		
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	863.219.110	932.249.490
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		10.057.954
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	863.219.110	942.307.444
25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.041.423.724	5.648.785.435
- Chi phí nhân công	19.401.776.130	18.307.055.261
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.075.092.630	2.104.402.078
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.744.641.081	57.674.546.814
- Chi phí bằng tiền khác	5.621.599.881	6.235.900.321
Cộng chi phí sản xuất theo yếu tố	97.884.533.446	89.970.689.909

26. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Cộng chi phí của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Năm nay	Năm trước
138.000.000	138.000.000
138.000.000	138.000.000

27. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG NĂM

Chỉ tiêu

+ Tổng lợi nhuận trước thuế

+ Các khoản điều chỉnh tăng

- Chi phí không có hóa đơn, chứng từ theo chế độ quy định

- Thù lao HĐQT & Ban kiểm soát không trực tiếp tham gia điều hành

HĐSX KD

- Các chi phí không được trừ khác (tiền phạt...)

+ Các khoản điều chỉnh giảm

- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

+ Tổng thu nhập chịu thuế

+ Thuế TNDN phải nộp (22%)

+ Thuế TNDN năm 2011+2012 phải nộp bổ sung theo QĐ số 5163/QĐ-CT-TTr4 ngày 23/12/2013 của Cục thuế Tp.HCM

+ Lợi nhuận sau thuế TNDN

Năm nay	Năm trước
2.924.376.199	2.587.823.047
1.006.412.732	1.147.037.577
813.083.500	1.001.519.999
138.000.000	138.000.000
55.329.232	7.517.578
7.065.706	5.862.666
7.065.706	5.862.666
3.923.723.225	3.728.997.958
863.219.110	932.249.490
	10.057.954
2.061.157.089	1.645.515.603

VI- Thông tin bổ sung khác:

1- Thông tin về các bên có liên quan

Trong năm 2014, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với bên có liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
Bà Tăng Thị Minh Tân	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc nhân sự	Cho Công ty vay dài hạn	800.000.000
		Công ty trả tiền vay dài hạn	1.500.000.000
		Tiền lãi vay Công ty phải trả	203.740.500
		Tiền lãi vay Công ty đã trả	203.740.500
Bà Trương Ái Liễu	Thành viên HĐQT	Cho Công ty vay dài hạn	1.700.000.000
		Công ty trả tiền vay dài hạn	
		Tiền lãi vay, lãi hợp tác kinh doanh Công ty phải trả	1.270.816.200
		Tiền lãi vay, lãi hợp tác kinh doanh Công ty đã trả	1.270.816.200
Bà Phạm Kim Liên	Trưởng Ban Kiểm soát	Cho Công ty vay dài hạn	480.000.000
		Công ty trả tiền vay dài hạn	495.000.000
		Tiền lãi vay Công ty phải trả	11.071.900
		Tiền lãi vay Công ty đã trả	11.071.900
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh	Người bảo lãnh nhận khoản cho Giám đốc NHKS Hưng Triệu	Tiền lãi cho vay Công ty phải thu	118.256.800
		Tiền lãi cho vay Công ty đã thu	136.795.500

Số dư công nợ với các bên có liên quan như sau:

Phải thu	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh (tiền cho vay)	852.563.740	724.563.740

Phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Trần Văn Đường (Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc)	465.000.000	465.000.000
- Tiền ký quỹ nhận khoán	168.000.000	168.000.000
- Tiền vay dài hạn	297.000.000	297.000.000
Bà Tăng Thị Minh Tân (tiền vay dài hạn)	1.640.000.000	2.340.000.000
Bà Trương Ái Liễu	9.500.000.000	7.800.000.000
- Tiền vay dài hạn	4.500.000.000	2.800.000.000
- Tiền hợp tác kinh doanh	5.000.000.000	5.000.000.000
Bà Phạm Kim Liên (tiền vay dài hạn)	145.000.000	160.000.000
Ông Trần Bộ Thiên	227.500.000	227.500.000
- Tiền ký quỹ nhận khoán	97.500.000	97.500.000
- Tiền vay dài hạn	130.000.000	130.000.000
Bà Quán Thị Cẩm Tú - Giám đốc KS Ga SG	63.000.000	63.000.000
- Tiền ký quỹ nhận khoán	63.000.000	63.000.000

2- Báo cáo bộ phận:

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

3- Tài sản và nợ phải trả tài chính:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	<i>Ngày 31/12/2014</i>	<i>Ngày 31/12/2013</i>	<i>Ngày 31/12/2014</i>	<i>Ngày 31/12/2013</i>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.572.555.407	11.745.583.556	6.572.555.407	11.745.583.556
Đầu tư ngắn hạn	1.903.673.555	4.978.394.555	1.903.673.555	4.978.394.555
Phải thu khách hàng	83.654.716.763	103.556.306.281	83.654.716.763	103.556.306.281
Các khoản phải thu khác	5.309.409.379	4.887.093.474	5.309.409.379	4.887.093.474
Đầu tư dài hạn khác	852.563.740	786.963.740	852.563.740	786.963.740
Cộng	97.440.355.104	125.167.377.866	97.440.355.104	125.167.377.866
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	125.985.882.963	139.981.024.826	125.985.882.963	139.981.024.826
Phải trả cho người bán	52.558.863.233	54.161.753.058	52.558.863.233	54.161.753.058
Người mua trả tiền trước	489.881.320	969.689.381	489.881.320	969.689.381
Chi phí phải trả	296.895	296.895	296.895	296.895
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.436.393.584	8.613.945.658	8.436.393.584	8.613.945.658
Cộng	187.471.317.995	203.726.709.818	187.471.317.995	203.726.709.818



Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá lại vào ngày 31/12/2014. Tuy nhiên Ban Giám đốc cho rằng không có sự chênh lệch trọng yếu về giá trị ghi sổ với giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính của nó tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4- Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty:

Ngoại trừ các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, vay và nợ ngắn hạn của Chi nhánh Xi nghiệp Dịch vụ Vận tải Hòa Xa Sài Gòn phát sinh trong khoảng thời gian ông Lê Hạnh làm Giám đốc (Các khoản tài sản và nợ phải trả còn tồn đọng liên quan đến trách nhiệm của ông Lê Hạnh hiện đang được kiểm tra, đối chiếu để giải quyết. Hiện nay luật sư đại diện cho phía Công ty và luật sư của ông Lê Hạnh đang cùng tham gia xử lý để có kết quả cuối cùng hoặc có hướng xử lý tiếp theo).

Công ty chịu ảnh hưởng của các rủi ro sau:

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro thị trường

a- Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b- Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban Giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2014				
Vay và nợ	78.924.702.963	47.061.180.000		125.985.882.963
Phải trả cho người bán	52.549.550.340	9.312.893		52.558.863.233
Người mua trả tiền trước	489.881.320			489.881.320
Chi phí phải trả	296.895			296.895
Các khoản phải trả, phải nộp khác	806.884.162	5.710.572.900	1.918.936.522	8.436.393.584
Cộng	132.771.315.680	52.781.065.793	1.918.936.522	187.471.317.995
Tại ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	99.782.884.826	40.198.140.000		139.981.024.826
Phải trả cho người bán	54.152.440.165	9.312.893		54.161.753.058
Người mua trả tiền trước	969.689.381			969.689.381
Chi phí phải trả	296.895			296.895
Các khoản phải trả, phải nộp khác	140.716.236	6.295.572.900	2.177.656.522	8.613.945.658
Cộng	155.046.027.503	46.503.025.793	2.177.656.522	203.726.709.818

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

c- Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền tệ trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Trong năm 2013 Công ty không phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ.

- Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

- Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty.

d- Rủi ro về cổ phiếu

Cổ phiếu của Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về cổ phiếu là không đáng kể.

5- Số liệu so sánh

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2014 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Lương Ngọc Liên

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Minh Đức

Lập, ngày 12 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Văn Đường